

KT3-07674AHO4/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

13/11/2024
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : **TINH DẦU HỮU CƠ CỎ HƯƠNG BÀI ẤN ĐỘ - 2024110406**
ORGANIC INDIAN VETIVER ESSENTIAL OIL - 2024110406
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai thủy tinh.
The liquid is contained in the glass bottle.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 04/11/2024
- Thời gian thử nghiệm : 05/11/2024 – 13/11/2024
Testing duration
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN LE RUSTIQUE VIỆT NAM**
Tầng 3 tòa nhà Thái Dương, 278 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02/03 – 03/03
Test result See page 02/03 – 03/03

TL. PHỤ TRÁCH PTN HÓA
PP. HEAD OF CHEMICAL TESTING LAB.



Lê Thị Ngọc Phi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-07674AHO4/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

13/11/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm/ Test result :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1. Thành phần đơn hương (+), Flavor composition	QUATEST3 1024:2022 - (GC/MS)		-
▪ β-Ylangene		0,7	
▪ X ₁		0,4	
▪ X ₂		1,6	
▪ X ₃		1,6	
▪ X ₄		0,7	
▪ α-Murolene		6,9	
▪ X ₅		2,7	
▪ X ₆		1,7	
▪ X ₇		7,5	
▪ δ-Cadinene		4,3	
▪ X ₈		1,0	
▪ β-Gurjunene		2,8	
▪ X ₉		1,2	
▪ X ₁₀		2,3	
▪ X ₁₁		2,4	
▪ β-Vatirenene		13,1	
▪ X ₁₂		1,4	
▪ X ₁₃		1,0	
▪ X ₁₄		1,4	
▪ X ₁₅		2,3	
▪ X ₁₆		9,4	
▪ X ₁₇		1,5	
▪ X ₁₈		1,1	
▪ X ₁₉		1,5	
▪ X ₂₀		2,8	
▪ X ₂₁		2,3	
▪ X ₂₂		9,3	
▪ X ₂₃		7,1	
▪ X ₂₄		1,0	
▪ X ₂₅		3,0	
▪ X ₂₆		1,9	
▪ X ₂₇		2,1	

Ghi chú/ Notice: (+) Phần trăm diện tích peak của các hợp chất hữu cơ bay hơi

Percent of peak area of evaporated organic compounds.

X₁ đến X₂₇ là cấu tử chưa định danh được/ X₁ to X₂₇ are unidentifiable component

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

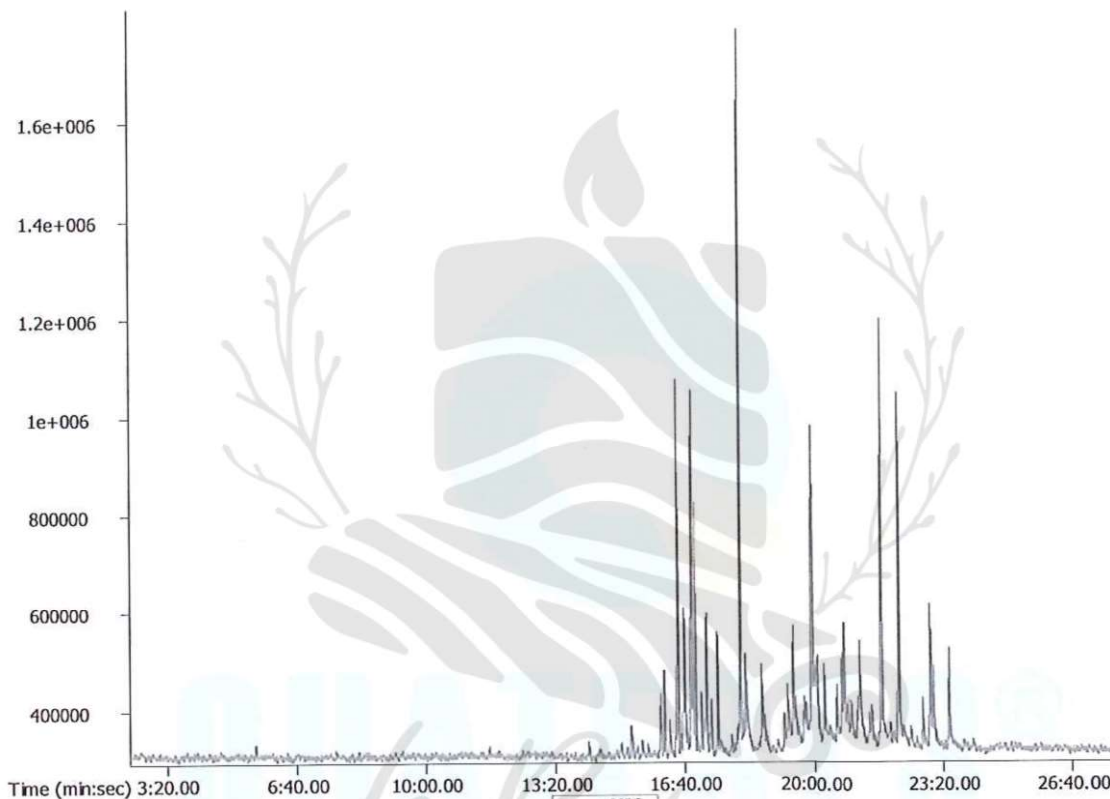
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-07674AHO4/7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

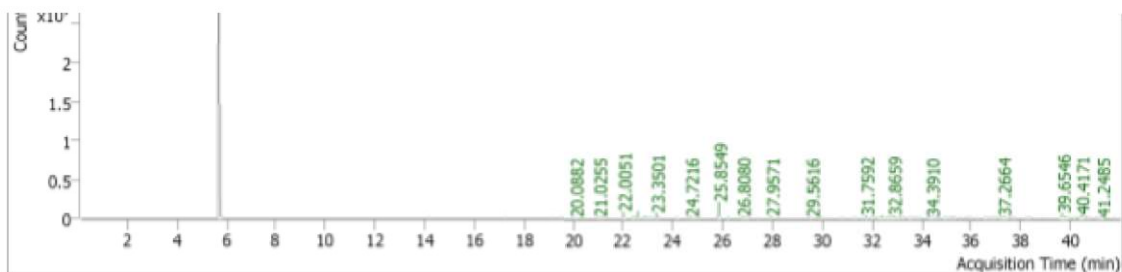
13/11/2024
Page 03/03



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KẾT QUẢ KIỂM TRA CỦA NHÀ SẢN XUẤT Ở ẤN ĐỘ

Product name	Organic Vetiver oil
--------------	---------------------



Pk#	RT Min	Compound Name	Peak Height	Peak Area	% of Total
1	20.0882	(1R,2S,6S,7S,8S)-8-Isopropyl-1-methyl-3-methylenetricyclo[4.4.0.0 ^{2,7}]decane-rel-	130229.6	384030.0	0.96
2	21.0255	(3S,3aS,6R,8aS)-3,8,8-Trimethyl-7-methyleneoctahydro-1H-3a,6-methanoazulene	220489.2	690570.0	1.72
3	21.1684	(3S,3aS,6R,8aS)-3,7,7-Trimethyl-8-methyleneoctahydro-1H-3a,6-methanoazulene	217785.0	631065.6	1.57
4	22.0051	.alpha.-Muurolene	921639.3	3040829.2	7.59
5	22.3758	(1S,4aR,7R)-1,4a-Dimethyl-7-(prop-1-en-2-yl)-1,2,3,4,4a,5,6,7-octahydronaphthalene	172628.6	471875.1	1.18
6	22.4446	(3aS,4R,7R)-1,4,9,9-Tetramethyl-5,6,7,8-tetrahydro-4H-3a,7-methanoazulene	203559.2	584480.5	1.46
7	22.5982	Naphthalene, 1,2,3,5,6,8a-hexahydro-4,7-dimethyl-1-(1-methylethyl)-, (1S-cis)-	912379.8	2536926.5	6.33
8	22.9000	(5R,10S)-6,10-Dimethyl-2-(prop-1-en-2-yl)spiro[4.5]deca-1,6-diene, rel-	309555.1	982342.4	2.45
9	23.1383	Naphthalene, 1,2,4a,5,8,8a-hexahydro-4,7-dimethyl-1-(1-methylethyl)-, (1.alpha.,4a.beta.,8a.alpha.)-(././.)-	248293.6	702039.5	1.75
10	23.3501	(5R,10R)-10-Methyl-6-methylene-2-(propan-2-ylidene)spiro[4.5]dec-7-ene	720579.5	1931298.5	4.82
11	24.2027	Neosolongifolene, 8,9-dehydro-	99421.6	283697.1	0.71
12	24.7216	(4R,4aR)-4,4a-Dimethyl-6-(prop-1-en-2-yl)-1,2,3,4,4a,7-hexahydronaphthalene	240080.8	650887.7	1.62
13	24.8911	(2R,8R,8aS)-8,8a-Dimethyl-2-(prop-1-en-2-yl)-1,2,3,7,8,8a-hexahydronaphthalene	140065.7	404071.9	1.01
14	25.0553	1H-Cyclopropa[a]naphthalene, 1a,2,3,3a,4,5,6,7b-octahydro-1,1,3a,7-tetramethyl-, [1aR-(1a.alpha.,3a.alpha.,7b.alpha.)]-	151741.3	407736.7	1.02
15	25.8549	(8R,8aS)-8,8a-Dimethyl-2-(propan-2-ylidene)-1,2,3,7,8,8a-hexahydronaphthalene	2137710.1	5968908.6	14.89
16	26.2255	4a,5-Dimethyl-3-(prop-1-en-2-yl)-1,2,3,4,4a,5,6,7-octahydronaphthalen-1-ol	216910.4	650274.9	1.62
17	26.8080	3,5,11-Eudesmatriene	300796.1	836573.6	2.09
18	26.9457	Isolongifolene, 4,5,9,10-dehydro-	137712.4	562560.8	1.40
19	27.9571	Cadina-1(10),6,8-triene	258017.7	740412.3	1.85
20	29.5616	2-((4aS,8R,8aR)-4a,8-Dimethyl-3,4,4a,5,6,7,8,8a-octahydronaphthalen-2-yl)propan-2-ol	162642.5	491684.1	1.23
21	31.7592	1-Naphthalenol, decahydro-1,4a-dimethyl-7-(1-methylethylidene)-, [1R-(1.alpha.,4a.beta.,8a.alpha.)]-	329866.4	1020864.5	2.55
22	32.0187	Alloaromadendrene oxide-(1)	96951.1	420291.3	1.05
23	32.3152	1H-Cycloprop[e]azulene, 1a,2,3,5,6,7,7a,7b-octahydro-1,1,4,7-tetramethyl-, (1aR-(1a.alpha.,7.alpha.,7a.beta.,7b.alpha.)]-	113595.3	362077.8	0.90
24	32.4105	.tau.-Cadinol	321101.4	1205730.7	3.01
25	32.6594	.tau.-Cadinol	172561.7	950284.3	2.37
26	32.8659	.alpha.-Vetivol	336660.4	1339055.2	3.34
27	33.0354	2-((2R,4aR,8aS)-4a-Methyl-8-methylenedecahydronaphthalen-2-yl)prop-2-en-1-ol	98254.8	371237.5	0.93
28	33.5226	trans-Valerenyl acetate	185967.4	774566.1	1.93
Pk#	RT Min	Compound Name	Peak Height	Peak Area	% of Total
29	34.3910	1-Naphthalenol, decahydro-1,4a-dimethyl-7-(1-methylethylidene)-, [1R-(1.alpha.,4a.beta.,8a.alpha.)]-	151020.0	586700.1	1.46
30	34.9417	(3S,3aS,5R,6S,7aS)-3,6,7,7-Tetramethyloctahydro-3a,6-ethanoinden-5-ol	135007.3	491071.6	1.23
31	36.5409	(2R,3R,3aR,6R,8aS)-3,7,7-Trimethyl-8-methyleneoctahydro-1H-3a,6-methanoazulen-2-ol	106526.4	445469.7	1.11
32	37.2664	(R)-2-((4aS,8aR)-4a-Methyl-8-methylene-1,4,4a,5,6,7,8,8a-octahydronaphthalen-2-yl)propan-1-ol	223006.2	941745.6	2.35
33	37.3511	5(1H)-Azulenone, 2,4,6,7,8,8a-hexahydro-3,8-dimethyl-4-(1-methylethylidene)-, (8S-cis)-	104857.9	456520.3	1.14
34	39.6546	((3S,3aR,6R,8aS)-7,7-Dimethyl-8-methyleneoctahydro-1H-3a,6-methanoazulen-3-yl)methanol	654930.0	3421867.4	8.54
35	39.7764	(5R,10R)-6,10-Dimethyl-2-(propan-2-ylidene)spiro[4.5]dec-6-en-8-one	242922.8	1267889.2	3.16
36	40.4171	(E)-2-((8R,8aS)-8,8a-Dimethyl-3,4,6,7,8,8a-hexahydronaphthalen-2(1H)-ylidene)propan-1-ol	442840.9	2243909.4	5.60
37	41.2485	2(3H)-Naphthalenone, 4,4a,5,6,7,8-hexahydro-4,4a-dimethyl-6-(1-methylethylidene)-, (4R-cis)-	153515.9	827475.2	2.06